

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 696/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022
V/v ly hôn giữa bà L, ông T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 473/2021/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn” ngày 02/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Kim L, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: 166/41D T, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: 91/19/5 N, Phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Tô Thị Kim Y (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 166/11 T, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Tô Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Bá T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1998. Trong quá trình sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Đỉnh điểm khoảng 5 năm gần đây, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không còn yêu thương, chăm sóc nhau, vợ chồng đã ly thân, tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Ông T đã có người phụ nữ khác. Bà L đã 02 lần nộp đơn ly hôn và đã rút lại để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: 02 trẻ tên Nguyễn Tô Minh K, sinh ngày 10/7/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bá Minh T1, sinh ngày 24/7/2005, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng cho trẻ Minh Trục.

- Về tài sản chung: Căn nhà 166/41D T, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu Bệnh viện Triều An và tiền tiết kiệm 700.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ngày 03/8/2022, bà L rút lại yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: 200.000.000 đồng vay của bà Tô Thị Kim Y. Bà L rút lại yêu cầu ông T liên đới trả nợ.

Theo bản tự khai đề ngày 12/11/2021 và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn do những mâu thuẫn giữa vợ chồng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Quá trình ly thân, ông không có tình cảm lâu dài với người nào khác, do đó ông không muốn ly hôn. Ông T vẫn muốn là 01 gia đình như hiện tại. Do đó, ông T không đồng ý ly hôn, nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: 02 trẻ tên Nguyễn Tô Minh K, sinh ngày 10/7/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bá Minh T1, sinh ngày 24/7/2005. Nếu trong trường hợp ly hôn ông T đồng ý giao trẻ T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi trẻ T1 mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Căn nhà 166/41D T, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu Bệnh viện Triều An và tiền tiết kiệm 700.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: 200.000.000 đồng bà Tô Thị Kim L vay của bà Tô Thị Kim Y, là khoản nợ riêng của bà L với bà Y, ông T không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Tô Thị Kim Y trình bày:

Năm 2018 bà Y có cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Nay bà L xin ly hôn với ông T thì bà Y yêu cầu vợ chồng bà L ông T trả lại số tiền trên. Ngày 23/6/2022, bà Y xin rút lại yêu cầu và không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân, con chung và mức cấp dưỡng nuôi con; đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Bà Tô Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Bá T, tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại quận Phú Nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc thay đổi, rút yêu cầu:

Ngày 03/8/2022 cũng như tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, ông T cũng đồng ý, và việc rút yêu cầu của bà L và ông T là tự nguyện, đó đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Tô Thị Kim Y, ngày 03/8/2022 bà Y rút lại yêu cầu bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Bá T trả nợ, bà L và ông T cũng đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu rút đơn yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử xét việc rút yêu cầu của bà Y là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập này.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/98 ngày 14/01/1998 do UBND Phường 15, quận Phú Nhuận cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Bá T là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà L dành cho ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà L yêu cầu ly hôn ông T để ổn định cuộc sống là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: 02 trẻ tên Nguyễn Tô Minh K, sinh ngày 10/7/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bá Minh T1, sinh ngày 24/7/2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi mở phiên tòa, đôi bên đồng ý giao con chung là trẻ T1 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường vợ chồng ly hôn. Tại phiên tòa, ông T có nguyện vọng nuôi trẻ T1 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ T1 bị khuyết tật tâm thần, tinh thần, trí tuệ, hiện bà L đang trực tiếp nuôi. Do đó việc tiếp tục giao trẻ T1 cho bà L nuôi là phù hợp với nguyện vọng của trẻ, điều này phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận việc ông T cấp dưỡng nuôi trẻ T1 mỗi tháng 10.000.000 đồng.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Tô Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn và ông T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả cho bà Tô Thị Kim L tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Hoàn trả cho bà Tô Thị Kim Y tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tô Thị Kim L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Tô Thị Kim L ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

1.2. Về con chung: 02 trẻ tên Nguyễn Tô Minh K, sinh ngày 10/7/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bá Minh T1, sinh ngày 24/7/2005.

- Giao con chung Nguyễn Bá Minh T1 cho bà Tô Thị Kim L trực tiếp nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông T cấp dưỡng nuôi trẻ T1 mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Kim Y.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Tô Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 42.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028860 ngày 20/10/2021 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029302 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nay bà L được nhận lại 51.200.000 (*Năm mươi một triệu hai trăm ngàn*) đồng.

- Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng.

- Hoàn trả cho bà Tô Thị Kim Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng theo biên lai thu số 0029303 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P. 15, Q. Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út